

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Tứ và bà Trần Thị Tứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Na - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HS ngày 17/9/2020 đối với bị cáo:

- *Họ và tên:* Nguyễn Văn M; tên gọi khác: Nguyễn Văn M; Sinh ngày: 30/10/1953; Nơi sinh: Xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn K và bà Nguyễn Thị N (Bố mẹ hiện đã mất); vợ Lương Thị Tvà 05 con lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1990 (Con đầu của bị cáo hiện đã mất); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ Ông Lê Đăng B; sinh năm: 1963; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị N; sinh năm: 1967; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M và Lê Đăng B sinh năm 1963 đều trú tại thôn Đ, xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh là hàng xóm và thường rủ nhau đi tập thể dục buổi sáng.

Vào khoảng 04 giờ 30 phút sáng ngày 12/8/2020, Nguyễn Văn M đi qua nhà Lê Đăng B để gọi ông B đi thể dục nhưng không thấy ai trả lời và cổng không khóa nên M đã vào nhà ông B. Khi vào thấy không có ai ở nhà, cửa mở nên M đã vào trong phòng ngủ nhà ông B phát hiện 02 chiếc điện thoại di động để ở ghế gỗ cuối chân giường (01 chiếc điện thoại dạng bàn phím và 01 chiếc điện thoại cảm ứng nhãn hiệu OPPO A5). Nảy sinh lòng tham, M lấy chiếc điện thoại OPPO A5 màu trắng bỏ vào túi quần. Sau đó phát hiện thấy 01 chiếc quần dài treo trên tường bên trong có 01 chiếc ví nên lấy luôn cả chiếc ví rồi đi về nhà. Khi về đến nhà M mở ví ra xem thì thấy bên trong có 8.500.000 đồng (gồm 17 tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng). M liền bỏ ví và điện thoại vào một cái túi ni lông và bỏ vào sập lúa của gia đình rồi đi làm. Đến khoảng 10 giờ 40 phút thì bị Công an xã V, huyện C triệu tập lên trụ sở UBND xã V làm việc. Tại đây, M đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và giao nộp lại tài sản mà M đã lấy trộm.

Bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 19/8/2020 của Hội đồng định giá UBND huyện C xác định: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5, màu trắng đã qua sử dụng trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng). Tổng giá trị tài sản và tiền mà bị can chiếm đoạt là 10.300.000 đồng (Mười triệu ba trăm ngàn đồng).

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an huyện C đã thu giữ và trả lại cho bị hại Lê Đăng B: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5 màu trắng đã qua sử dụng; 01 ví da bên trong có 8.500.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam (gồm 17 tờ mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng). (Bút lục 82- 86).

Vấn đề dân sự: Người bị hại Lê Đăng B đã nhận lại tài sản, nay không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Với hành vi trên, Cáo trạng số 50/CT –VKS-CL ngày 14/9/2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Người bị hại Lê Đăng B trình bày nội dung vụ án như lời khai của bị cáo và nội dung bản cáo trạng; không yêu cầu bị cáo bồi thường về mặt dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Văn M mức án từ 08 đến

10 tháng tù nhưng có hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có tranh luận gì với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và các chứng cứ khác có tại hồ sơ, như vậy đủ cơ sở kết luận: Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 12/8/2020 Nguyễn Văn M đã vào nhà ông Lê Đăng B cùng thôn Đ, xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5, màu trắng trị giá 1.800.000 đồng và số tiền 8.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của ông B là 10.300.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn M lợi dụng sơ hở lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Lê Đăng B có trị giá 10.300.000 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi khi đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, không thuộc tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Do đó việc truy tố, xét xử bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; vợ bị cáo là thương binh 4/4. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ nghiêm, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng” do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là người cao tuổi, nghề nghiệp làm ruộng, không có thu nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng: Các vật chứng Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Về hình phạt chính: Xử phạt Nguyễn Văn M 08 (Tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn M.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện C;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã V;
- Bị cáo; Người bị hại; Người liên quan;
- Lưu: HS; VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Trung Thông